

**TAND HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/KDTM - ST

Ngày: 04/7/2017

“V/v: *Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
trong hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạch.

Ông Bùi Quốc Thìn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLST- KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2017 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST – KDTM, ngày 31 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST – KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP NT.**

Địa chỉ trụ sở: Số 198 đường K, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Th – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP NT chi nhánh Q (theo văn bản ủy quyền số 91/UQ – VCB – PC, ngày 23/02/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP NT).

Ông Nguyễn Th ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh Tr – Chức vụ: Phó phòng khách hàng Ngân hàng TMCP NT chi nhánh Q tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền số 248/UQ – VCB.KH, ngày 07/3/2017 của Giám đốc Ngân hàng TMCP NT chi nhánh Q). Có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Khu Kinh tế Q, xã Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Phạm Văn V**, sinh năm 1985, **bà Phan Thị Phúc Ng**, sinh

năm 1986;

Trú tại: Số 27 đường Ng, thành phố N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 23/5/2016, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP NT và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Tr đều trình bày:

Ông Phạm Văn V và bà Phan Thị Phúc Ng có ký với Ngân hàng TMCP NT hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ, ngày 26/11/2015 để vay số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, mục đích vay vốn để mua ô tô tải kinh doanh vận chuyển, lãi suất thỏa thuận là 10,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng 1 lần trong thời gian cho vay theo thông báo lãi suất của bên cho vay niêm yết tại bên cho vay, lãi suất cho vay kỳ hạn 03 tháng đầu tiên là lãi suất tại thời điểm rút vốn đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ, phương thức trả nợ: bên vay phải trả nợ gốc định kỳ hàng tháng (01 tháng/lần), từ kỳ hạn tháng 1 đến tháng thứ 35 số tiền phải trả là 5.600.000đồng/tháng, kỳ hạn tháng cuối cùng số tiền phải trả 4.000.000đồng, trả tiền lãi: hàng tháng, từ ngày 26 hàng tháng đến 07 ngày tiếp theo.

Để đảm bảo cho khoản vay thì ông V, bà Ng có ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp số 1035/2015/HĐTC.DQ, ngày 26/11/2015 để thế chấp thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10, diện tích 180,4m², tọa lạc tại xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 0072, cấp ngày 19/8/2015. Đối với tài sản trên thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10 gồm có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 giếng đào, thành xây bằng đá, 02 nhà vệ sinh xây tạm, vợ chồng ông V, bà Ng không có thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản nợ vay trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà Ng chỉ trả được cho Ngân hàng được 01 kỳ tiền gốc vào tháng 12/2015 với số tiền 5.600.000đồng và không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng, vi phạm thời hạn trả nợ vay.

Tính đến ngày 04/7/2017 ông V, bà Ng còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam tổng số tiền 229.682.406đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 194.400.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 31.488.586đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 3.793.820đồng.

Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 229.682.406đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 194.400.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 31.488.586đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 3.793.820đồng (tiền lãi tính đến ngày 04/7/2017) và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông V, bà Ng thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: 1731/2015/DQ, ngày 26/11/2015. Trường hợp ông V, bà Ng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông V, bà Ng theo Hợp đồng thế chấp số

1035/2015/HĐTC.DQ, ngày 26/11/2015 để thu hồi nợ, sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đảm bảo thanh toán hết khoản nợ thì ông V, bà Ng tiếp tục có trách nhiệm thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

2. Hỏi và trả lời tại phiên tòa:

Trong văn bản ngày 09 tháng 8 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Phan Thị Phúc Ng trình bày như sau:

Bà đồng ý với những yêu cầu của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với tài sản trên thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10 gồm có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 giếng đào, thành xây bằng đá, 02 nhà vệ sinh xây tạm là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà, vợ chồng bà không có thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm khoản nợ trên. Bà trình bày lý do của việc không trả nợ vay đúng hạn là do gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay là 223.1655.932đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 194.400.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 26.193.346đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 2.572.586 đồng (tiền lãi tính đến ngày 05/4/2017) và tiền lãi phát sinh cho đến khi vợ chồng ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: 1731/2015/DQ, ngày 26/11/2015. Trường hợp vợ chồng ông bà không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông bà theo Hợp đồng thế chấp số 1035/2015/HĐTC.DQ, ngày 26/11/2015 để thu hồi nợ, sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đảm bảo thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng ông bà tiếp tục có trách nhiệm thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng, bà đồng ý yêu cầu của ngân hàng như trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện S đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Văn V như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 529/TB-TA ngày 29/7/2016; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 16/TB –TA ngày 18/11/2016; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 903/TB-TA ngày 30/11/2016; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 936/TB-TA ngày 14/12/2016; Thông báo về việc thụ lý vụ án số 37/TB-TLVA ngày 02/3/2017; Giấy triệu tập số 105 ngày 31/5/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST –KDTM ngày 31/5/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST – KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2017. Nhưng ông Phạm Văn V không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa;

Nên Tòa án tiến hành lập Biên bản không tiến hành hòa giải được và lập Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành giải quyết vụ án theo quy định chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn bà Phan Thị Phúc Ng đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Đối với bị đơn ông Phạm Văn V từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, ông V vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP NT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn V và bà Phan Thị Phúc Ng được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vào ngày 26/11/2015, Ngân hàng TMCP NT – chi nhánh Dung Quất và vợ chồng anh Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng có ký hợp đồng tín dụng với nội dung vợ chồng ông V, bà Ng vay vốn tại Ngân hàng TMCP NT với mục đích mua xe tải kinh doanh vận chuyển. Tại Điều 7 hợp đồng thể chấp quyền sử dụng đất hai bên thỏa thuận lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi Ngân hàng TMCP NT – Chi nhánh Dung Quất đặt trụ sở tại nơi nộp đơn khởi kiện. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc: Ngày 26/11/2015, giữa Ngân hàng TMCP NT và ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng có ký hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ, để vay số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, mục đích vay vốn để mua ô tô tải kinh doanh vận chuyển, lãi suất thỏa thuận là 10,5%/năm, phương thức trả nợ: bên vay phải trả nợ gốc định kỳ hàng tháng với số tiền phải trả là 5.600.000đồng theo giấy nhận số 3521 ngày 26/11/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà Ng chỉ trả được cho Ngân hàng 01 kỳ nợ gốc vào tháng 12/2015 là 5.600.000đồng, không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 5 hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ ngày 26/11/2015. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó, Ngân hàng thu hồi nợ trước thời hạn, yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân

sự năm 2005. Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền là 194.400.000 đồng (*một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng*).

[2.2] Về lãi suất: Hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ ngày 26/11/2015, giấy nhận nợ số 3521 kèm theo hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ ngày 26/11/2015, hai bên đã thỏa thuận mức lãi suất trong hạn 10,5%/năm và lãi suất quá hạn 15,75%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận lãi suất trong hạn, quá hạn là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 1 và Điều 2 của Thông tư số 12/2010/TTNHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng vay theo lãi suất thỏa thuận nên được Tòa án chấp nhận. Buộc vợ chồng ông V, bà Ng có nghĩa vụ trả nợ lãi trong hạn 31.488.586 đồng, lãi quá hạn 3.793.820 đồng (tiền lãi tạm tính ngày 04/7/2017), tổng cộng là 35.282.406 đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 05/7/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ ngày 26/11/2015, cho đến ngày trả hết các khoản nợ mà ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng đã ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng TMCP NT.

[3] Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1035/2015/HĐTC.DQ, ngày 26/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP NT – chi nhánh Dung Quất và vợ chồng anh Phạm Văn V và bà Phan Thị Phúc Ng, thế chấp thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10, diện tích 180,4m², tọa lạc tại xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 0072, cấp ngày 19/8/2015 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định điều 715 Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013.

Đối với tài sản trên thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10 gồm có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 giếng đào, thành xây bằng đá, 02 nhà vệ sinh xây tạm thuộc quyền sở hữu của ông V, bà Ng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đại diện nguyên đơn và bị đơn bà Nguyên đều thống nhất không phải là tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ ngày 26/11/2015 nên khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất phải trả lại phần giá trị tài sản trên thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10 cho chủ sở hữu là ông V, bà Ng là phù hợp với quy định tại khoản 19 Điều 11 Nghị định 11/2012/NĐ – CP ngày 22/2/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006.

Vợ chồng ông V, bà Ng đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với thỏa thuận của các bên theo quy định Điều 7 hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ ngày 26/11/2015, Điều 4 Phần 1 – các điều khoản chung đính kèm Hợp đồng thế chấp số 1035/2015/HĐTC.DQ, ngày 26/11/2015 và phù hợp quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 355, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận nhưng phải trả lại tài sản có trên đất theo giá phát mãi tại thời điểm phát mãi thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10 cho ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đảm bảo thanh toán hết khoản nợ thì ông V, bà Ng tiếp tục có trách nhiệm thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

[4] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 11.484.120đồng (*mười một triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm hai mươi đồng*).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 5.073.400đồng (*Năm triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0001600 ngày 24/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên: Phù hợp với nhận định trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm năm 2010;

- Áp dụng Điều 290, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716 và Điều 721 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam.

2. Buộc ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam 194.400.000đồng tiền nợ gốc, 31.488.586đồng tiền nợ lãi trong hạn, 3.793.820đồng tiền nợ lãi quá hạn (tiền lãi tính đến ngày 04/7/2017), tổng cộng là 229.682.406đồng (*Hai trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng*).

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 05/7/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1731/2015/DQ ngày 26/11/2015, cho đến ngày trả hết các khoản nợ mà ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng đã ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng TMCP NT.

3. Trong trường hợp ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần

ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý, kê biên, bán phát mãi tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 2047, tờ bản đồ số 10, diện tích 180,4m², tọa lạc tại xã Th, thành phố N được UBND thành phố N cấp cho ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 0072, cấp ngày 19/8/2015 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, nhưng phải thối lại giá trị tài sản gắn liền với đất cho chủ sở hữu là ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng theo quy định của Luật Thi hành án Dân sự và Nghị định của Chính phủ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì ông V, bà Ng tiếp tục có trách nhiệm phải trả hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

4. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng phải chịu 11.484.120 đồng (*mười một triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm hai mươi đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam 5.073.400 đồng (*Năm triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2014/0001600 ngày 24/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt người đại diện của nguyên đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/7/2017).

Bị đơn ông Phạm Văn V, bà Phan Thị Phúc Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thạch

Bùi Quốc Thìn

Võ Đình Chung

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi.;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Chung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện S;
- Những người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Đình Chung